

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1023 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch kiểm tra kết quả xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg, ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN, ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg, ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị 03/CT-UBND, ngày 11/3/2014 của UBND tỉnh về việc nâng cao Chỉ số cạnh tranh (PAR INDEX) trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3711/QĐ-UBND, ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 28/TTr-SKHCN, ngày 19/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra kết quả xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh Đắk Lắk năm 2017 (*kế hoạch và phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo hiệu quả và chất lượng, báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hải Ninh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 4 năm 2017

KẾ HOẠCH

Kiểm tra kết quả xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 của các cơ quan hành chính Nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2017

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1023 /QĐ-UBND, ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

a) Đánh giá tình hình duy trì, hiệu quả áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Thu thập những đề xuất, kiến nghị, hạn chế, thiếu sót trong quá trình triển khai thực hiện; đề xuất các giải pháp, phương thức hoạt động có hiệu quả hơn về việc áp dụng, duy trì Hệ thống quản lý chất lượng trong cơ quan hành chính nhà nước.

c) Tổng hợp báo cáo tình hình áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu:

a) Hoạt động kiểm tra phải tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg, ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch.

b) Chọn kiểm tra ngẫu nhiên từ 03- 05 quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại mỗi đơn vị được kiểm tra.

c) Qua kiểm tra rút ra được những vấn đề cần quan tâm trong công tác duy trì, hiệu lực, hiệu quả áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tại các Cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; có kết luận rõ ràng, cụ thể về hiệu lực của Hệ thống quản lý chất lượng tại đơn vị được kiểm tra.

II. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008:

- Phạm vi áp dụng bao gồm toàn bộ hoạt động liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị;

- Hoạt động phổ biến, hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ cán bộ, công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng;

- Sự tuân thủ của cơ quan, đơn vị đối với tất cả các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, chính sách, mục tiêu, quy trình, thủ tục và các quy định có liên quan khác;

- Việc thực hiện các quá trình giải quyết công việc và các quá trình được xác định trong Hệ thống quản lý chất lượng;

- Hoạt động xem xét của Lãnh đạo và hoạt động đánh giá nội bộ, thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp;

- Hoạt động cải tiến trong Hệ thống quản lý chất lượng.

b) Kiểm tra việc tuân thủ theo các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg, ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ:

- Việc bảo đảm sự tham gia của Lãnh đạo, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng;

- Việc người đứng đầu cơ quan xác nhận hiệu lực của Hệ thống quản lý chất lượng;

- Việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và thông báo bằng văn bản đến đơn vị chủ trì để theo dõi, tổng hợp; niêm yết tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan (nếu có);

- Việc cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng.

2. Đối tượng, hình thức, thời gian kiểm tra:

- Tổng số cơ quan, đơn vị thực hiện kiểm tra: 108, trong đó:

+ Số cơ quan, đơn vị kiểm tra qua báo cáo: 76

+ Số cơ quan đơn vị kiểm tra tại trụ sở làm việc: 32

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 10 đến tháng 11/2017

(Lịch kiểm tra cụ thể theo phụ lục đính kèm)

III. KINH PHÍ KIỂM TRA

Kinh phí kiểm tra từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học năm 2017, giao Sở Khoa học và Công nghệ chi cho hoạt động xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Phổ biến, quán triệt nội dung kế hoạch này đến các đơn vị thuộc, trực thuộc và tất cả cán bộ, công chức, viên chức, đăng tải trang thông tin điện tử (nếu có);

b) Lập kế hoạch tự kiểm tra đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc về kết quả áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng và báo cáo theo đề cương hướng dẫn cùng các tài liệu, bằng chứng có liên quan, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ.

c) Đối với các đơn vị được kiểm tra tại trụ sở làm việc: cử cán bộ làm việc với Đoàn kiểm tra đủ, đúng thành phần, báo cáo về các vấn đề cơ liên quan đến nội dung kiểm tra; cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra, tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ.

2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ

a) Thành lập Đoàn kiểm tra, quy định trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn kiểm tra; xây dựng đề cương hướng dẫn các cơ quan, đơn vị báo cáo; xây dựng lịch kiểm tra cụ thể và tiến hành kiểm tra các cơ quan, đơn vị đảm bảo theo nội dung, thời gian của kế hoạch này.

b) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả kiểm tra, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, tồn tại và làm rõ những nguyên nhân, đề ra các giải pháp khắc phục những hạn chế, tồn tại, phát huy các kết quả đạt được trong thời gian tới.

c) Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh tuyên dương những đơn vị làm tốt, phê bình những đơn vị không tuân thủ áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 trong hoạt động của đơn vị mình.

Trên đây là Kiểm tra kết quả xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 của các cơ quan hành chính Nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2017. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh giải quyết./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hải Ninh

PHỤ LỤC

LỊCH KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, ÁP DỤNG, DUY TRÌ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2008 TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC THUỘC HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 27 /4 / 2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
1.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ		X		
2.	Cục Thuế tỉnh	-nt-		X		
3.	Sở Công Thương	-nt-		X		
4.	Sở Y tế	-nt-		X		
5.	Sở Ngoại vụ	-nt-		X	X	Tháng 10/2017
6.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	-nt-		X		
7.	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	-nt-		X		
8.	Thanh tra tỉnh	-nt-		X		
9.	Sở Khoa học và Công nghệ	-nt-		X		
10.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	-nt-		X	X	Tháng 10/2017
11.	Sở Tư pháp	-nt-		X		
12.	Sở Giao thông vận tải	-nt-		X		
13.	Sở Thông tin & Truyền thông	-nt-		X	X	Tháng 10/2017
14.	Sở Nông nghiệp và PTNT	-nt-		X	X	Tháng 10/2017

15.	Sở Xây dựng	-nt-		X		
16.	Sở Giáo dục và Đào tạo	-nt-		X		
17.	Sở Nội vụ	-nt-		X		
18.	Sở Tài chính	-nt-		X	x	Tháng 10/2017
19.	Ban QL các KCN tỉnh	-nt-		X		
20.	Chi cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật	-nt-		X		
21.	Chi cục QLCL nông lâm thủy sản	-nt-		X		
22.	Chi cục Kiểm lâm	-nt-		X		
23.	Sở Tài nguyên môi trường	-nt-		X		
24.	Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão	-nt-		X	x	Tháng 10/2017
25.	Chi cục Thủy sản	-nt-		X		
26.	Chi cục Phát triển Nông thôn	-nt-		X		
27.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	-nt-		X		
28.	Chi cục Dân số KHHGD	-nt-		X	x	Tháng 10/2017
29.	Chi cục An toàn VSTP	-nt-		X		
30.	Chi cục Bảo vệ Môi trường	-nt-		X		
31.	Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội	-nt-		X		
32.	Chi cục Quản lý thị trường	-nt-		X		
33.	Chi cục Tiêu chuẩn ĐL CL	-nt-		X		
34.	UBND TP BMT	-nt-		X		
35.	UBND Huyện Krông Búk	-nt-		X		
36.	UBND Thị xã Buôn Hồ	-nt-		X		
37.	UBND huyện Lắk	-nt-		X		

38.	UBND huyện Krông Pắc	-nt-		X		
39.	Văn phòng UBND huyện Ea H'leo	-nt-		X		
40.	Phòng TC-KH huyện Ea H'leo	-nt-		X		
41.	Phòng TM-MT huyện Ea H'leo	-nt-		X		
42.	Văn phòng UBND huyện Buôn Đôn	-nt-		X		
43.	Phòng TC-KH huyện Buôn Đôn	-nt-		X		
44.	Phòng TM-MT huyện Buôn Đôn	-nt-		X		
45.	Văn phòng UBND huyện Ea Súp	-nt-		X	X	Tháng 10/2017
46.	Phòng TC-KH huyện Ea Súp	-nt-		X	X	
47.	Phòng TM-MT huyện Ea Súp	-nt-		X	X	
48.	Văn phòng UBND huyện Ea Kar	-nt-		X		
49.	Phòng TC-KH huyện Ea Kar	-nt-		X		
50.	Phòng TM-MT huyện Ea Kar	-nt-		X		
51.	Văn phòng UBND huyện Cư Kuin	-nt-		X	X	Tháng 10/2017
52.	Phòng TC-KH huyện Cư Kuin	-nt-		X	X	
53.	Phòng TM-MT huyện Cư Kuin	-nt-		X	X	
54.	Văn phòng UBND huyện Krông Ana	-nt-		X		
55.	Phòng TC-KH huyện Krông Ana	-nt-		X		
56.	Phòng TM-MT huyện Krông Ana	-nt-		X		
57.	Văn phòng UBND huyện Krông Bông	-nt-		X		
58.	Phòng TC-KH huyện Krông Bông	-nt-		X		
59.	Phòng TM-MT huyện Krông Bông	-nt-		X		
60.	Văn phòng UBND huyện Krông Năng	-nt-		X	X	Tháng 10/2017
61.	Phòng TC-KH huyện Krông Năng	-nt-		X	X	

62.	Phòng TM-MT huyện Krông Năng	-nt-		X	x	
63.	Văn phòng UBND huyện M'Đrăk	-nt-		X		
64.	Phòng TC-KH huyện M'Đrăk	-nt-		X		
65.	Phòng TM-MT huyện M'Đrăk	-nt-		X		
66.	UBND huyện Cư M'gar	-nt-		X		
67.	Xã Chư Kbô - Huyện Krông Buk	-nt-		X	x	Tháng 10/2017
68.	Xã Ea Ngai - Huyện Krông Buk	-nt-		X		
69.	Xã Ea Sin - Huyện Krông Buk	-nt-		X		
70.	Xã Tân Lập - Huyện Krông Buk	-nt-		X	x	Tháng 10/2017
71.	Xã Cư Né - Huyện Krông Buk	-nt-		X		
72.	Xã Pong Drang - Huyện Krông Buk	-nt-		X		
73.	Xã Cư Pong - Huyện Krông Buk	-nt-		X	x	Tháng 11/2017
74.	Phường An Bình – Thị xã Buôn Hồ	-nt-		X		
75.	Phường An Lạc – Thị xã Buôn Hồ	-nt-		X		
76.	Phường Bình Tân – Thị xã Buôn Hồ	-nt-		X		
77.	Phường Đạt Hiếu – Thị xã Buôn Hồ	-nt-		X		
78.	Phường Đoàn Kết – Thị xã Buôn Hồ	-nt-		X		
79.	Phường Thiện An – Thị xã Buôn Hồ	-nt-		X	x	Tháng 11/2017
80.	Phường Thống Nhất – Thị xã Buôn Hồ	-nt-		X	x	Tháng 11/2017
81.	Xã Bình Thuận – Thị xã Buôn Hồ	-nt-		X	x	Tháng 11/2017
82.	Xã Ea Drông – Thị xã Buôn Hồ	-nt-		X		
83.	Xã Ea Blang – Thị xã Buôn Hồ	-nt-		X		
84.	Xã Cư Bao – Thị xã Buôn Hồ	-nt-		X	x	Tháng 11/2017
85.	Xã Ea Siên – Thị xã Buôn Hồ			X		

86.	Phường Ea Tam – TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X		
87.	Phường Khánh Xuân - TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X		
88.	Phường Tân An – TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X	x	Tháng 11/2017
89.	Phường Tân Hòa – TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X	x	Tháng 11/2017
90.	Phường Tân Lập – TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X	x	Tháng 11/2017
91.	Phường Tân Lợi– TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X	x	Tháng 11/2017
92.	Phường Tân Thành – TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X	x	Tháng 11/2017
93.	Phường Tân Tiến – TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X		
94.	Phường Thắng Lợi– TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X		
95.	Phường Thành Công – TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X		
96.	Phường Thành Nhất – TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X		
97.	Phường Thống Nhất – TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X		
98.	Phường Tự An – TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X		
99.	Xã Cư ÊBur – TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X	x	Tháng 11/2017
100	Xã Ea Kao – TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X		
101	Xã Ea Tu – TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X		
102	Xã Hòa Khánh – TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X	x	Tháng 11/2017
103	Xã Hòa Phú – TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X		
104	Xã Hòa Thắng – TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X		
105	Xã Hòa Xuân – TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X	x	Tháng 11/2017
106	Xã Hòa Thuận – TP. Buôn Ma Thuột	-nt-		X	x	Tháng 11/2017
107	TT. Quảng Phú – Cư M’gar	-nt-		X		
108	TT Phước An – Krông Pắc	-nt-		X		